

Số: 1078 /CSPR-CN

Bình Phước, ngày 18 tháng 12 năm 2023

V/v báo cáo kết quả thực hiện
phương án quản lý rừng bền vững
năm 2023 của Công ty TNHH MTV
cao su Phú Riềng.

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Công văn số 2403/SNN-KL ngày 11/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Phước về việc hoàn thành xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và đẩy nhanh tiến độ, tăng diện tích rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ rừng.

Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng xin báo cáo theo yêu cầu cụ thể như sau:

Hiện nay, Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng đang duy trì và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững. Với mục tiêu quản lý, khai thác bền vững diện tích rừng cao su hiện có nhằm nâng cao năng suất, chất lượng mủ và gỗ cao su, góp phần phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và người dân địa phương, nâng cao trách nhiệm xã hội và môi trường.

Năm 2023, Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng đã tiếp tục duy trì chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn VFCS/PEFC-FM cho tổng diện tích là 17.340,51 ha rừng cao su (chi tiết kết quả thực hiện Phương án Quản lý rừng bền vững năm 2023 theo phụ lục đính kèm).

Trên đây là báo cáo của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng về kết quả thực hiện phương án quản lý rừng bền vững năm 2023. *MUL*

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, CN(03).

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Tiến Vượng
Lê Tiến Vượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

(Đính kèm Công văn Số: 1077 /CSPR-CN ngày 18 tháng 12 năm 2023)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

STT	Chi tiết	Kế hoạch	Kết quả/ tỷ lệ đạt/ đánh giá
I	Hiệu quả môi trường		
1	Tổng diện tích rừng được quản lý (ha)	19.606,10	19.606,10 Đạt 100%
-	Diện tích rừng tự nhiên	105,97	105,97 Đạt 100%
-	Diện tích rừng trồng	18.971,83	18.971,83 Đạt 100%
-	Khác	528,3	528,3 Đạt 100%
2	Độ che phủ rừng (%)	96,6	96,6 Đạt 100%
3	Bảo tồn đa dạng sinh học		
-	Số loài thực vật rừng	165	165 Đạt 100%
-	Số loài động vật rừng	82	82 Đạt 100%
4	Diện tích khu rừng có giá trị bảo tồn cao (ha)	107,97	107,97 Đạt 100%
5	Phòng chống xói mòn, sạt lở đất (ha)	821,63	821,63 Đạt 100%
6	Sử dụng hóa chất (kg)	40.366	40.366 Đạt 100%
7	Thuốc bảo vệ thực vật (lít)	69.798	69.798 Đạt 100%
8	Thu gom, xử lý rác thải (tấn)	35	45,6 Đạt 130%
II	Hiệu quả xã hội		

0010
CÔNG
TY
T. TH
CA
PHÚ
RIỀNG

1	Lao động có việc làm và có thu nhập ổn định (người)	4.200	4.300 Đạt 102%
2	Phúc lợi xã hội (tỷ đồng)	82,170	82,170 Đạt 100%
III Hiệu quả kinh tế			
1	Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng (ster)	253.123	253.123 Đạt 100%
2	Khối lượng khai thác lâm sản ngoài gỗ (mủ cao su)(tấn)	21.500	24.500 Đạt 114%
3	Doanh thu và lợi nhuận (chủ rừng sản xuất)		
	- Doanh thu (tỷ đồng)	1.321	1.417,8 Đạt 107%
	- Lợi nhuận (tỷ đồng)	319	326 Đạt 102%

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG THEO TIÊU CHÍ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

STT	Nội dung	Kế hoạch	Kết quả/ tỷ lệ đạt/ đánh giá
1	Thực hiện kế hoạch quản lý bảo vệ rừng		
-	Kế hoạch bảo vệ rừng (ha)	19.743,39	19.743,39 Đạt 100%
-	Kế hoạch trồng rừng (ha)	821,63	821,63 Đạt 100%
-	Kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng (ha)	821,63	821,63 Đạt 100%
-	Kế hoạch khai thác lâm sản ngoài gỗ (mủ cao su)(ha)	10.959,95	10.959,95 Đạt 100%
-	Kế hoạch hạ tầng giao thông.		
	Hàng rào chống gia súc (Km)	0,97	0,97 Đạt 100%
	Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa đường lô (Km)	9	10,34 Đạt 115%
	Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa đường lán nhựa (Km)	9	9,45 Đạt 105%
	Đê chống xói mòn	6	6,8 Đạt 113%

002-C
 TỶ
 H
 NH VI
 SU
 ỀNG
 BMM

-	Kế hoạch cung cấp dịch vụ môi trường rừng (ha)	105,97	105,97 Đạt 100%
2	Thực hiện quy trình, quy phạm khai thác (phù hợp với chủ rừng)		
-	Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa đường (Km)	18	19,88 Đạt 110%
-	Quản lý các vùng rừng có giá trị bảo tồn cao	107,97	107,97 Đạt 100%
-	Gốc chặt đúng tiêu chuẩn (cây)	369.733	369.733 Đạt 100%
-	Khai thác đúng cây bài chặt (cây)	369.733	369.733 Đạt 100%
-	Số lượng cây đổ gãy (cây)	10.000	9.235 Đạt 92%
-	Vệ sinh rừng sau khai thác (ha)	821,63	821,63 Đạt 100%
3	Sản lượng khai thác rừng trồng so với kế hoạch (ster)	253.123	253.123 Đạt 100%
4	Chuyển đổi giữa các loại rừng và chuyển sang mục đích khác (ha)	0	0
5	Sử dụng các chế phẩm sinh học (kg)	6.701	6.701 Đạt 100%
6	Hóa chất sử dụng trong quản lý bảo vệ rừng (kg)	40.366	40.366 Đạt 100%
Đánh giá chung: Hoàn thành tốt kế hoạch theo Phương án quản lý rừng cao su bền vững Công ty đã đề ra trong năm 2023			

